**Tuần 21 - Luyện từ và câu**

**- Câu kể Ai thế nào?**

**-Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào?**

**A-Lý thuyết**

**Câu kể *Ai thế nào?***gồm có hai bộ phận:

- Bộ phận thứ nhất là **chủ ngữ, chỉ sự vật**; trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?,**thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành. - Bộ phận thứ hai là **vị ngữ,** trả lời cho cõu hỏi: **Thế nào?,chỉ đặc điểm , tính chất** hoặc **trạng thỏi** của sự vật; thường do **tính từ, động từ, (cụm tính từ, cụm động từ)** tạo thành.

VD: Chị tôirất **xinh**.

 CN **VN**

**B-Bài tập**

***Bài 1.Gạch dưới các câu kể* Ai thế nào? *trong đoạn văn sau:***

Từ căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe thấy hết các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô. Tiếng chuông xe đạp lanh canh. Tiếng thùng nước ở một vòi nước công cộng loảng xoảng. Tiếng ve rền rĩ trong những đám lá cây bên đại lộ.

**- Dựng gạch chộo (/) để xác định chủ ngữ và vị ngữ của cỏc cõu trờn.**

***Bµi 2. Ghép chủ ngữ ở bên trái với vị ngữ ở bên phải để tạo thành các câu kể* Ai làm gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| Miệng nónCác chịSóng nước sông LaNhững làn khói bếpNước sông LaNhững ngôi nhà  | long lanh như vẩy cá.trong veo như ánh mắt.đội nón đi chợ.nằm san sát bên sông.toả ra từ mỗi căn nhà.tròn vành vạnh |

***Bài 3. Đọc đoạn văn sau:***

Về đêm, cảnh vật *thật im lìm*. Sông *thôi không vỗ sóng dồn dập vào bờ như hồi chiều*. Hai ông bạn già *vẫn trò chuyện*. Ông Ba *trầm ngâm*. Thỉnh thoảng ông *mới đưa ra một nhận xét dè dặt*. Trái lại, ông Sáu *rất sôi nổi*.

Xếp các vị ngữ được in nghiêng trong đoạn văn trên thành hai nhóm:

|  |  |
| --- | --- |
| *Vị ngữ là các tính từ, cụm tính từ* | *Vị ngữ là động từ, cụm động từ* |
| ………………………………………………………………………………………………………………………………………. | ……………………………………………………………………………………………………………………………………… |

***Bài 4. Thêm vị ngữ thích hợp để được câu kể*** Ai làm gì?

- Sáng nào cũng vậy, ông tôi…………………………………………………………...

- Con mèo nhà em …………………………………………………………………..

- Chiếc bàn học của em đang …………………………………………………………….

***Bài 5. Thêm vị ngữ thích hợp để được câu kể*** Ai thế nào?

- Con mèo nhà em ………………………………………………………………………..

- Chiếc bàn học của em ……………………………………………………………………..

- Ông tôi ……………………………………………………………………………….

- Giọng nói của cô giáo………………………………………………………………….

***Bài 6****. a) Gạch dưới những câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn sau:*

 (1) Tùng! Tùng! Tùng! (2) Đấy là tiếng trống của trường tôi đấy! (3) Anh chàng trống trường tôi được đặt trên một cái giá chắc chắn trước cửa văn phòng nhà trường. (4) Thân trống tròn trùng trục như cái chum sơn đỏ. (5) Bụng trống phình ra. (6) Tang trống được ghép bằng những mảnh gỗ rắn chắc. (7)Hai mặt trống được bịt kín bằng hai miếng da trâu to. (8) Mặt trống phẳng phiu nhẵn bóng.

b) Chọn 3 câu kể Ai thế nào? ở bài tập a và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Bộ phận chủ ngữ | Bộ phận vị ngữ |
| Câu số… | ……………………………………………………… | …………………………….…………………………….……………………………. |
| Câu số… | …………………………………… | …………………………….……………………………. |
| Câu số… | …………………………………… | …………………………….……………………………. |

**TUẦN 22**

**Luyện từ và câu**

**- Chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào**

 **- MRVT: Cái đẹp**

**A-Lý thuyết**

**\*Chủ ngữ trong câu kể *Ai thế nào?***

- Bộ phận **chủ ngữ, chỉ sự vật**; trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?,**thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành.

VD:**Bạn Lan** rất đẹp.

**CN**

**\*MRVT:Cái đẹp**

-Thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người: xinh đẹp, duyên dáng, thon thả, cân đối, lộng lẫy, thướt tha,…

-Thể hiện vẻ đẹp bên trong của con người:thùy mị, dịu dàng, nết na, đằm thắm, vị tha,…

-Thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh vật: tươi đẹp, hùng vĩ, thơ mộng, tráng lệ,hoành tráng,…

-Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật con người:đẹp đẽ, lộng lẫy, rực rỡ, xinh tươi,…

**B-Bài tập:** Các em dựa vào lý thuyết trên để hoàn thành bài tập sau:

***Bài 1.*** D***ùng gạch chéo (/) tách bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu:***

1. Vào những ngày giáp tết, đường quê lúc nào cũng tấp nập người qua lại.

2. Các gian hàng mứt, kẹo, hoa quả luôn đông khách.

3. Tối giao thừa, vài nhà còn đỏ lửa với nồi bánh chưng.

5. Mình thấy thật ấm lòng khi nhìn ngọn lửa hồng bập bùng trong đêm.

4. Sáng mùng một, mình ra sân hít thở không khí mùa xuân và ngắm nhìn hoa đào đỏ thắm trước sân nhà.

5. Mùa xuân đã về.

***Bài 2. Khoanh vào chữ cái chỉ hình ảnh cho thấy sông La rất đẹp:***

a. Nước sông La trong veo như ánh mắt

b. Hai bên bờ, hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi.

c. Những gợn sóng long lanh như vẩy cá.

d. Các bè gỗ trôi.

đ. Chim hót líu lo trên bầu trời.

e. Người đi trên bè có thể nghe thấy cả tiếng chim hót trên bờ đê.

***Bài 3. Đọc bài thơ “Chợ Tết”và gạch dưới những màu sắc có trong bài:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| đỏhồng lamxanh lơvàng tươi | đỏ chóixanhthắmtrắng | hồng (son)xanh lamvàngtrắng tinh |

***Bài 4. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu hoàn chỉnh:***

a) Cả lớp em ………....…………………………………………………………….............

b) Đêm giao thừa ……………………………………………………………………………

c) Cành đào đỏ thắm ……………………………………………………………………….

d) Chim én là loài chim báo hiệu …………………………………………………...

**Câu 5**. Tìm 3 từ khác nhau có tiếng tuyệt điền vào 3 chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp:

a) Nàng Bạch Tuyết đẹp……………………………………………

b) Vịnh Hạ Long là một món quà……….thiên nhiên dành cho đất nước ta.

c) Bức tượng Thần Vệ nữ quả là một …………………………..

**Câu 6**. a) Dùng dấu gạch chéo (/) tách bộ phận chủ ngữ và bộ phận vị ngữ của các câu sau:

 (1) Mặt trời cuối thu nhọc nhằn chọc thủng màn sương từ từ nhô lên ngàn cây trên dãy núi đồi lẹt xẹt. (2) Bầu trời dần tươi sáng. (3) Tất cả thung lũng đều hiện màu vàng. (4) Hương vị thôn quê đầy vẻ quyến rũ của mùi lúa chín ngào ngạt.

b) Nối từng câu ở cột trái với những nhận xét về chủ ngữ của câu ở cột phải cho thích hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (a) Câu 1 |  | (1) Chủ ngữ do danh từ tạo thành |
| (b) Câu 2 |  | (2) Chủ ngữ do cụm danh từ tạo thành |
| (c) Câu 3 |  | (3) Chủ ngữ chỉ sự vật có đặc điểm, tính chất nêu ở vị ngữ |
| (d) Câu 4 |  | (4) Chủ ngữ chỉ sự vật có trạng thái được nêu ở vị ngữ |

**MRVT: Cái đẹp**

**A-Lý thuyết**

1. **Dấu gạch ngang ( - ):** Dùng để đánh dấu:

**a, *Chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.***

**VD:** Ông hỏi tôi: “Cháu học thế nào?”

**b, *Phần chú thích trong câu:***

**VD:**  Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu –

 Pa - xcan nói.

**c*, Các ý trong một đoạn liệt kê.***

**VD:** Phân công một số em trong lớp chữa bài :

* Lan chữa Toán.
* Nam chữa Tiếng Việt.
* Hà chữa Tiếng Anh.

**MRVT: Cái đẹp**

Ý nghĩa thành ngữ,tục ngữ:

1. Cái nết đánh chết cái đẹp: Người nết na hơn người có nhan sắc.

2. Chữ như gà bới: (Chữ như cua bò sàng): Chữ viết quá xấu, không thành chữ.

3. Đẹp người đẹp nết: Người bề ngoài đẹp, tính nết cũng tốt.

4. Mặt hoa da phấn: người phụ nữ đẹp như hoa và trắng trẻo như thoa phấn.

5. Mặt ngọc da ngà: người phụ nữ đẹp và trắng trẻo.

6. Mặt tươi như hoa: Khen người luôn tươi tỉnh và đẹp.

8. Người thanh tiếng nói cũng thanh

Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu. Ca tụng những người ăn nói thanh nhã, lịch sự.

9. Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo cỗ lòng mới ngon. Nhìn bề ngoài cũng biết được tính nết như thế nào.

10. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn: Sơn là vẻ bề ngoài. Nước sơn tốt mà gỗ xấu thì đồ vật cũng chóng hỏng. Con người tâm tính tốt còn hơn chỉ đẹp mã bề ngoài.

11. Xấu người đẹp nết: Người bề ngoài xấu nhưng tâm tính tốt.

**B-Bài tập**

***Bài 1.Khoanh vào chữ cái trước câu tục ngữ ca ngợi vẻ đẹp của phẩm chất bên trong:***

1. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
2. Đẹp như tiên.
3. Cái nết đánh chết cái đẹp.
4. Đẹp như tranh.

***Bài 2. Chọn từ ngữ, thành ngữ hoặc tục ngữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ chấm:***

(*đẹp người đẹp nết, tốt gỗ hơn tốt nước sơn, đẹp trời, đẹp, đẹp như tiên, đẹp lòng*)

1. Chiếc áo này trông thật ………………………………………………………………..

2. Hôm nay là một ngày …………………………………………………………………….

3. Càng lớn trông chị càng .............................................................................................

4. Cô Tấm - nhân vật chính trong truỵện Tấm Cám – là một cô gái ……………………..

5. Bà thường dạy chúng em ……………………………………………………………

6. Những điểm 10 của em đã làm ………………………………………….….cha mẹ.

 ***Bài 3. Nối từng đoạn văn dưới đây với tác dụng của dấu gạch ngang cho đúng:***

|  |
| --- |
| a. Dế Choắt – người hàng xóm của Dế Mèn - đã là thanh niên rồi mà cánh còn ngắn ngủn đến giữa lưng.Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói nhân vật |
| b. Nhà bác học vẫn loay hoay tìm vé và nói:- Tôi phải tìm được vé để còn biết xuống ga nào chứ! |
| c. Hà Nội có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như:- Hồ Tây- Hồ Hoàn KiếmĐánh dấu phần chú thích trong câu- Văn Miếu – Quốc Tử Giám- Đền Quán Thánh |
| d. Câu kể là câu dùng để :- Kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc.- Nói lên ý kiến, tâm tư hoặc tình cảm của mỗi ngườiĐánh dấu các ý trong một đoạn liêt kê |
| đ. Bạn Ngọc Lan – lớp trưởng lớp tôi – vừa xinh lại vừa hiền. |
| e. Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi :- Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không ạ! |

 ***Bài 4. Khoanh vào chữ cái trước đoạn văn dùng sai dấu gạch ngang:***

a. Tôi mở to mắt ngạc nhiên – trước mặt tôi là bé Nga con dì Hoa ở thành phố Hồ CHí Minh.

b. Hưng phát biểu khi được cô cho phép:

- Thưa cô, chúng em sẽ góp tiền tiết kiệm để giúp bạn Lan vượt qua khó khăn ạ!

c. Bác Loan – bác hàng xóm ở sát nhà tôi - mới nằm viện về. Mẹ bảo tôi:

- Tối nay hai mẹ con mình sang thăm bác Loan nhé!

Tôi vâng lời và chuẩn bị bài vở để tối có thể đi cùng mẹ.

**Bài 5.** a) Nối thành ngữ, tục ngữ ở cột A với lời giải thích hợp ở cột B:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| a) Đẹp người đẹp nết |  | (1) Đẹp lộng lẫy, nhan sắc tuyệt vời |
| b) Đẹp như Tây Thi |  | (2) Nết na quý hơn sắc đẹp |
| c) Cái nết đánh chết cái đẹp |  | (3) Người con gái hoàn hảo, được cả người lẫn tính nết |

b) Chọn từ ghép có tiếng *đẹp* điền vào chỗ trống:

(1) Hôm qua là một ngày ……

(2) Ông cụ nhà chị Hòa rất …………..

(3) Vợ chồng anh Thắng chị Lâm thật ………….

(4) Toàn đã từng lập được nhiều bàn thắng……………..